

MÔ HÌNH PHÁT TRIỂN VIỆT NAM TRONG KỶ NGUYÊN MỚI

Beyond Doi Moi: theorizing Vietnam's development model for the new era

ĐINH THỊ NGÀ
BÙI VĂN HUYỀN
NGUYỄN THỊ HOÀI THU

*B*ài viết hệ thống hóa khung lý luận về mô hình phát triển Việt Nam trong kỷ nguyên mới trên cơ sở kế thừa thành tựu 40 năm Đổi mới. Theo đó, mô hình phát triển giữ vai trò cụ thể hóa định hướng xã hội chủ nghĩa và được hiện thực hóa thông qua mô hình tăng trưởng. Một nhận thức có tính đột phá được xác lập là tư duy “lấy phát triển để ổn định”, trong đó con người và văn hóa vừa là trung tâm, vừa là động lực nội sinh then chốt của phát triển bền vững. Bài viết luận chứng rằng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số là động lực trung tâm mới, thay thế các nguồn lực tăng trưởng truyền thống. Toàn bộ mô hình được vận hành trên nền tảng bảy trụ cột chiến lược có tính gắn kết hữu cơ: kinh tế, xã hội, môi trường, văn hóa, quốc phòng - an ninh, đối ngoại và quản trị quốc gia. Nghiên cứu kết luận rằng đột phá về thể chế và năng lực thực thi là khâu then chốt để hiện thực hóa tầm nhìn đưa Việt Nam trở thành quốc gia phát triển, thu nhập cao vào năm 2045.

Từ khóa: mô hình phát triển, đổi mới toàn diện, đổi mới mô hình, kỷ nguyên phát triển mới.

*T*his article systematizes the theoretical framework of Vietnam's development model in the new era, grounded in the accumulated achievements of four decades of Doi Moi (Renovation). The development model serves to operationalize the socialist orientation, which is in turn realized through the economic growth model. A breakthrough conceptual contribution is the articulation of the “using development for stability” paradigm, which positions people and culture simultaneously as the core of the model and as its key endogenous drivers of sustainability. The article further demonstrates that science, technology, and digital transformation constitute the new central growth driver, superseding traditional factor-based resources. The entire model is structured around seven organically interconnected strategic pillars: economy, society, environment, culture, national defense and security, foreign relations, and national governance. The study concludes that institutional reform and enhanced implementation capacity represent the critical breakthrough necessary to realize Vietnam's vision of becoming a developed, high-income country by 2045.

Keywords: development model, comprehensive renewal, development model transformation, new era of development.

Đinh Thị Nga, PGS.TS.; Bùi Văn Huyền, PGS.TS.; Nguyễn Thị Hoài Thu (tác giả liên hệ), TS., Viện Kinh tế - Xã hội và Môi trường, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

1. Giới thiệu

Công cuộc đổi mới toàn diện do Đảng Cộng sản Việt Nam khởi xướng từ Đại hội VI (1986) đã trải qua chặng đường 40 năm với những thành tựu có ý nghĩa lịch sử, tạo lập nền tảng vững chắc cho các giai đoạn phát triển tiếp theo của đất nước. Hướng tới mục tiêu đến năm 2045 trở thành quốc gia xã hội chủ nghĩa phát triển, thu nhập cao, yêu cầu khách quan và cấp thiết đặt ra là định hình một mô hình phát triển có tính khoa học, hiện đại và thích ứng với bối cảnh quốc tế nhiều biến động. Từ đó, bài viết đặt ra mục tiêu hệ thống hóa và luận giải khung lý luận về mô hình phát triển Việt Nam trong kỷ nguyên mới, góp phần hoàn thiện cơ sở lý luận cho việc xây dựng và vận hành mô hình phát triển đất nước.

Về phương pháp nghiên cứu, bài viết sử dụng phương pháp tổng hợp và hệ thống hóa lý luận, kết hợp với mô hình hóa và sơ đồ hóa để tái hiện cấu trúc toàn thể của mô hình phát triển từ tầm nhìn chiến lược đến các trụ cột và động lực cụ thể. Cách tiếp cận đa chiều được vận dụng xuyên suốt nhằm xem xét vấn đề trên các bình diện kinh tế, xã hội, văn hóa, môi trường, quốc phòng, đối ngoại và quản trị.

2. Mối quan hệ giữa mô hình phát triển, mô hình tăng trưởng và mô hình chủ nghĩa xã hội

Mối quan hệ giữa mô hình phát triển, mô hình tăng trưởng và mô hình chủ nghĩa xã hội có thể được hiểu theo cấu trúc thứ bậc và tính định hướng lẫn nhau:

Trước hết, mô hình chủ nghĩa xã hội giữ vai trò nền tảng và định hướng tổng thể. Đây là hệ giá trị và nguyên tắc tổ chức xã hội mà Việt Nam hướng tới với mục tiêu tổng thể, bao trùm “Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”. Mô hình chủ nghĩa xã hội chi phối cách thức quốc gia lựa chọn con đường và phương thức phát triển.

Trên cơ sở đó, mô hình phát triển là sự cụ thể hóa mô hình chủ nghĩa xã hội trong từng giai đoạn lịch sử. Nó bao quát toàn bộ các trụ cột phát triển tương ứng với các lĩnh vực cụ thể như: kinh tế, xã hội, văn hóa, môi trường, quốc phòng - an ninh, đối ngoại và hội nhập quốc tế; quản trị quốc gia. Mô hình phát triển phản ánh cách thức tổ chức và vận hành tổng thể nền kinh tế - xã hội nhằm đạt được các mục tiêu đã xác định.

Mô hình tăng trưởng là bộ phận cấu thành, tập trung vào lĩnh vực kinh tế của mô hình phát triển, đặc biệt là nguồn gốc tạo ra tăng trưởng (dựa vào vốn, lao động, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo...), cơ cấu ngành, chất lượng và hiệu quả tăng trưởng.

Như vậy, có thể khái quát: mô hình chủ nghĩa xã hội định hướng, mô hình phát triển cụ thể hóa và mô hình tăng trưởng hiện thực hóa về lĩnh vực kinh tế. Ba mô hình này có mối quan hệ chặt chẽ, thống nhất nhưng không đồng nhất. Trong đó, đổi mới mô hình tăng trưởng là khâu đột phá để thực hiện hiệu quả mô hình phát triển và từng bước hiện thực hóa mục tiêu của mô hình chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

3. Nền tảng lý luận cho việc định hình mô hình phát triển đất nước

Mô hình phát triển đất nước là một khuôn khổ tổng thể phản ánh tầm nhìn dài hạn, được định hình bởi tư duy phát triển và phương thức sản xuất chủ đạo; đồng thời xác lập cơ chế vận hành, các chủ thể tham gia, hệ thống động lực thúc đẩy và các đột phá chiến lược trên nền tảng các trụ cột phát triển chủ yếu, nhằm định hướng và tổ chức quá trình phát triển theo hướng hiệu quả, bao trùm và bền vững.

Mô hình phát triển đất nước được xây dựng trên cơ sở kế thừa và nâng tầm những thành tựu lý luận của 40 năm Đổi mới, qua đó hình thành các nền tảng tư duy cốt lõi

cho việc định hình con đường phát triển trong kỷ nguyên mới.

Trước hết, nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, đặc biệt là hệ mục tiêu, đặc trưng, lộ trình phát triển, các phương hướng cơ bản và những “mối quan hệ lớn” mang tính quy luật.

Thứ hai, các đột phá lý luận về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trong thời kỳ quá độ, về công nghiệp hóa, hiện đại hóa, cũng như mối quan hệ giữa vai trò lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước và sự tham gia của xã hội trong khuôn khổ vận hành của các quy luật thị trường gắn với định hướng xã hội chủ nghĩa.

Thứ ba, nhận thức về đổi mới mô hình tăng trưởng từ chiều rộng sang chiều sâu với năng suất, chất lượng và hiệu quả dựa trên khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo gắn với tái cơ cấu nền kinh tế. Phát triển lý luận về tăng trưởng xanh, kinh tế tuần hoàn và phát triển bền vững...

Thứ tư, nhận thức lý luận về văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực, vừa là sức mạnh nội sinh của phát triển.

Thứ năm, các vấn đề về quản trị quốc gia hiện đại, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa hiệu lực, hiệu quả; phát huy dân chủ và đại đoàn kết toàn dân tộc; củng cố quốc phòng, an ninh, đối ngoại và nâng cao năng lực tự chủ chiến lược gắn với hội nhập quốc tế sâu rộng.

4. Đặc trưng cốt lõi của mô hình phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới

Khác với nhiều mô hình phát triển theo hướng thị trường tự do hoặc nhà nước phúc lợi thuần túy, mô hình phát triển của Việt Nam được định hình bởi kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Đó là sự kết hợp giữa quy luật khách quan của thị trường với mục tiêu tiến bộ, công bằng xã hội. Mô

hình này không theo đuổi tăng trưởng bằng mọi giá, mà hướng đến giá trị phát triển bao trùm, bền vững và nhân văn trong từng giai đoạn. Thay vì để thị trường chi phối hoàn toàn, Việt Nam duy trì vai trò lãnh đạo của Đảng và sự điều tiết, kiến tạo của Nhà nước. Một điểm khác biệt quan trọng khác là cách tiếp cận linh hoạt, không rập khuôn, vừa chủ động hội nhập sâu rộng vào kinh tế toàn cầu, vừa giữ vững độc lập, tự chủ và bản sắc phát triển riêng.

Mô hình phát triển của Việt Nam trong kỷ nguyên mới có thể được khái quát qua một số đặc trưng cốt lõi mang tính khác biệt và xuyên suốt như sau:

Một là, định hướng xã hội chủ nghĩa là nguyên tắc nền tảng, chi phối mục tiêu và phương thức phát triển, bảo đảm gắn kết giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ, công bằng xã hội và các giá trị phát triển nhân văn.

Hai là, vai trò điều tiết và kiến tạo phát triển của Nhà nước dưới sự lãnh đạo của Đảng giữ vị trí trung tâm trong việc định hướng chiến lược, hoàn thiện thể chế và điều phối các nguồn lực, bảo đảm mô hình phát triển vận hành hiệu quả theo định hướng đã xác định.

Ba là, phát triển nhanh đi đôi với bền vững, bảo đảm tăng trưởng kinh tế nhanh nhưng đồng thời duy trì ổn định vĩ mô, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu và sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên.

Bốn là, phát triển bao trùm và lấy con người làm trung tâm, bảo đảm mọi người dân đều được thụ hưởng thành quả phát triển, không ai bị bỏ lại phía sau, gắn tăng trưởng với tiến bộ và công bằng xã hội.

Năm là, “lấy phát triển để ổn định, ổn định để phát triển nhanh, bền vững”. Đây là quan điểm phản ánh bước tiến mới từ Đại hội XIV của Đảng ta trong tư duy về mối quan hệ biện chứng giữa “phát triển” và “ổn định” thông qua việc đặt thành tố “phát triển” lên trước

“ổn định”. Như vậy, phát triển không chỉ là mục tiêu mà còn là phương thức căn bản để tạo lập và củng cố ổn định. Ở chiều ngược lại, ổn định tiếp tục là điều kiện tiên quyết để bảo đảm quá trình phát triển diễn ra liên tục, hiệu quả và hạn chế rủi ro.

Sáu là, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là động lực phát triển, thúc đẩy nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh quốc gia. Chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo chiều sâu, thay vì dựa vào lợi thế ngày càng hạn chế của lao động dồi dào, giá rẻ và tài nguyên thiên nhiên.

Bảy là, hội nhập quốc tế sâu rộng gắn với nâng cao tự chủ và khả năng chống chịu trước biến động bên ngoài; chủ động tham gia chuỗi giá trị toàn cầu, hội nhập quốc tế nhưng vẫn bảo đảm độc lập, tự chủ chiến lược.

5. Định hình mô hình phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới

5.1. Tầm nhìn phát triển

Tầm nhìn đến năm 2045 của Việt Nam là trở thành nước xã hội chủ nghĩa phát triển, thu nhập cao, với nền kinh tế hiện đại dựa trên khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Đồng thời, bảo đảm vững chắc các giá trị nền tảng như hòa bình, độc lập, dân chủ; thúc đẩy phát triển toàn diện theo hướng giàu mạnh, phồn vinh, văn minh và hạnh phúc, lấy con người làm trung tâm. Đây là định hướng xuyên suốt nhằm gắn kết chặt chẽ giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ, công bằng xã hội trên cơ sở kiên định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội.

5.2. Tư duy phát triển

Đổi mới tư duy phát triển theo hướng hiện đại; qua đó định hình mô hình tăng trưởng mới dựa trên khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số như động lực trung tâm. Quá trình phát triển được đặt trên nền tảng thể chế hiện đại và nguồn nhân lực chất lượng cao, đồng thời gắn với

các yêu cầu về phát triển xanh, bền vững, hiệu quả; thúc đẩy kinh tế tuần hoàn và nâng cao khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu. Chất lượng tăng trưởng được đo lường thông qua hiệu quả sử dụng nguồn lực và năng suất lao động, thay vì chỉ dựa vào quy mô hay tốc độ tăng trưởng đơn thuần.

5.3. Cơ chế vận hành

Cơ chế vận hành của mô hình phát triển được xác lập trên nguyên tắc “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ”, bảo đảm sự liên thông giữa định hướng chiến lược, thể chế và tổ chức thực thi. Trọng tâm của cơ chế này là cách thức phối hợp và tương tác giữa các khâu: từ hoạch định đường lối, thể chế hóa chính sách đến tổ chức triển khai và giám sát thực hiện. Trong đó, tính hiệu quả của mô hình được đảm bảo thông qua sự đồng bộ giữa các cấp, các ngành, giữa trung ương và địa phương, giữa xây dựng và thực thi chính sách. Đồng thời, cơ chế vận hành nhấn mạnh yêu cầu minh bạch, trách nhiệm giải trình và kiểm soát quyền lực, qua đó nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản trị và bảo đảm tính bền vững của quá trình phát triển.

5.4. Chủ thể tham gia

Chủ thể tham gia trong mô hình phát triển được xác định theo hướng đa tác nhân, phản ánh sự tham gia của nhiều lực lượng trong quá trình phát triển. Nòng cốt là hệ thống chính trị, bao gồm Đảng, Nhà nước và Nhân dân, giữ vai trò trung tâm trong định hướng, quản lý và tham gia phát triển. Bên cạnh đó, khu vực doanh nghiệp và các chủ thể kinh tế là lực lượng trực tiếp tạo ra của cải vật chất và thúc đẩy tăng trưởng. Các tổ chức xã hội, cộng đồng và giới tri thức đóng vai trò hỗ trợ, phản biện và lan tỏa tri thức, thúc đẩy đổi mới sáng tạo. Ngoài ra, trong bối cảnh hội nhập quốc tế, sự tham gia của các chủ thể nước ngoài cũng trở thành một thành tố quan trọng, góp

phần bổ sung nguồn lực, chuyển giao công nghệ và kinh nghiệm phát triển.

5.5. Phương thức sản xuất

Phương thức sản xuất trong mô hình phát triển của Việt Nam được xác lập trên cơ sở thống nhất giữa lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất phù hợp, tiến bộ, vận hành trong khuôn khổ kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Sự kết hợp hài hòa giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất tạo điều kiện khai thông và sử dụng hiệu quả các nguồn lực; qua đó hình thành động lực mạnh mẽ cho phát triển nhanh, bền vững và bao trùm.

Trong đó, lực lượng sản xuất giữ vai trò quyết định, với định hướng chuyển mạnh từ mô hình dựa vào lao động giản đơn và khai thác tài nguyên sang phát triển dựa trên khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và nguồn nhân lực chất lượng cao, hướng tới nền kinh tế tri thức và gia tăng giá trị. Điều này đòi hỏi không ngừng nâng cao trình độ công nghệ, phát triển hạ tầng số, thúc đẩy chuyển đổi số và hình thành các ngành, lĩnh vực có hàm lượng tri thức cao.

Quan hệ sản xuất cần được hoàn thiện theo hướng phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, bảo đảm tính đồng bộ, hiện đại và tiệm cận các chuẩn mực của kinh tế thị trường, đồng thời giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa. Trọng tâm là đa dạng hóa các hình thức sở hữu, phát huy vai trò của các thành phần kinh tế, hoàn thiện thể chế, nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước và bảo đảm phân phối công bằng, hợp lý.

5.6. Đột phá chiến lược

Ba đột phá chiến lược tiếp tục giữ vai trò then chốt trong định hình mô hình phát triển đất nước giai đoạn mới, với yêu cầu phải được triển khai quyết liệt, đồng bộ và đến nơi đến chốn. Ba đột phá này có mối quan hệ hữu cơ, tác động lẫn nhau, tạo

thành các đòn bẩy quyết định để nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, thúc đẩy tăng trưởng nhanh và bền vững, qua đó tạo lập “thế” và “lực” mới cho quá trình phát triển đất nước trong dài hạn.

Đột phá về thể chế và thực thi

Thể chế là khâu mở đường, kiến tạo môi trường phát triển đồng bộ, minh bạch, hiệu lực và hiệu quả. Trọng tâm là hoàn thiện toàn diện và đồng bộ hệ thống thể chế với thể chế chính trị là then chốt, thể chế kinh tế là trọng tâm, các thể chế khác là quan trọng. Cùng với đó, tăng cường kỷ luật thực thi, bảo đảm mọi chủ trương được triển khai với lộ trình, nguồn lực và cơ chế giám sát rõ ràng. Đồng thời, đẩy mạnh cải cách hành chính, phân cấp, phân quyền gắn với nâng cao chất lượng, hiệu quả phục vụ người dân và doanh nghiệp.

Đột phá về nguồn nhân lực

Nguồn nhân lực là đột phá quyết định đến tốc độ, chất lượng phát triển và khả năng đổi mới sáng tạo, với trọng tâm là phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao gắn với khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo theo hướng gắn với nhu cầu thị trường lao động, chú trọng nâng cao năng lực số. Xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, chuyên gia, doanh nhân, nhà khoa học và lao động kỹ thuật có trình độ cao, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và bền vững của đất nước.

Đột phá về hạ tầng đồng bộ, hiện đại

Hạ tầng đồng bộ, hiện đại là yếu tố then chốt tạo ra không gian và điều kiện vật chất cho phát triển. Trọng tâm là ưu tiên phát triển hệ thống hạ tầng chiến lược như giao thông, năng lượng, đô thị, viễn thông, đặc biệt là hạ tầng số và hạ tầng dữ liệu; đồng thời xây dựng hạ tầng có khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu. Cùng với đó, mở rộng không gian phát triển trên cơ sở quy hoạch tổng thể quốc gia, bảo đảm liên kết vùng,

liên kết địa phương và tăng cường kết nối với khu vực và thế giới.

5.7. Động lực phát triển

Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số được xác định là động lực trung tâm để thay thế, thúc đẩy, làm mới các động lực tăng trưởng truyền thống (như vốn, lao động). Đây là nền tảng nâng cao năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của nền kinh tế.

Không chỉ thúc đẩy hình thành các ngành, lĩnh vực và mô hình kinh doanh mới, khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số còn tái cấu trúc sâu sắc phương thức sản xuất, quản trị và phân phối. Qua đó, nâng cao hiệu quả phân bổ nguồn lực và khả năng thích ứng của quốc gia trước các biến động toàn cầu. Đối với mô hình phát triển, đây chính là động lực mang tính đột phá, góp phần chuyển dịch từ tăng trưởng theo chiều rộng sang chiều sâu, từ dựa vào khai thác nguồn lực sang dựa vào tri thức, công nghệ và dữ liệu, đồng thời tạo nền tảng cho phát triển nhanh và bền vững trong kỷ nguyên số.

5.8. Các trụ cột phát triển

Mô hình phát triển được định hình trên hệ trụ cột toàn diện và gắn kết chặt chẽ: lấy phát triển kinh tế, xã hội và bảo vệ môi trường là trung tâm; xây dựng Đảng là then chốt; phát triển văn hóa, con người là nền tảng; đồng thời tăng cường quốc phòng, an ninh, đẩy mạnh đối ngoại và hội nhập quốc tế như nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên.

Trụ cột 1: Kinh tế

Trụ cột kinh tế giữ vai trò trung tâm trong mô hình phát triển quốc gia, phản ánh phương thức tổ chức, vận hành, phân bổ nguồn lực của nền kinh tế nhằm tạo ra tăng trưởng, nâng cao năng suất và năng lực cạnh tranh tổng thể.

Nền kinh tế được đặc trưng bởi mô hình tăng trưởng dựa trên khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, với

trọng tâm là nâng cao chất lượng, hiệu quả và giá trị gia tăng. Cơ cấu ngành kinh tế thể hiện sự chuyển dịch theo hướng hiện đại, trong đó công nghiệp phát triển trên nền tảng công nghệ cao và công nghiệp nền tảng và các ngành mới nổi; nông nghiệp chuyển sang mô hình xanh, tuần hoàn, giá trị cao; dịch vụ giữ vai trò ngày càng quan trọng với nhiều ngành có khả năng cạnh tranh toàn cầu.

Các khu vực kinh tế được phát triển đồng bộ, phát huy đầy đủ chức năng, vai trò. Trong đó: kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo; kinh tế tư nhân là động lực quan trọng nhất; kinh tế hợp tác, kinh tế tập thể, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài và các loại hình kinh tế khác giữ vai trò quan trọng.

Không gian phát triển kinh tế được tổ chức theo hướng hình thành các cực tăng trưởng mạnh, vùng kinh tế trọng điểm, đặc khu kinh tế thể hệ mới và hệ thống đô thị hiện đại ngang tầm khu vực, toàn cầu. Đồng thời, xuất hiện các doanh nghiệp và tập đoàn kinh tế quy mô lớn, hoạt động hiệu quả, có năng lực cạnh tranh quốc tế, đóng vai trò tiên phong trong một số lĩnh vực quan trọng.

Trụ cột kinh tế phản ánh mối quan hệ giữa tự chủ và hội nhập, trong đó, nền kinh tế vừa gắn với mạng lưới sản xuất, chuỗi giá trị toàn cầu; vừa duy trì năng lực nội sinh và khả năng chống chịu trước các biến động bên ngoài.

Cấu trúc nguồn lực đầu tư thể hiện sự phân bổ đa dạng và tính bổ trợ giữa các khu vực, với đầu tư công giữ vai trò nền tảng và dẫn dắt, đầu tư tư nhân thể hiện tính năng động và linh hoạt, còn đầu tư nước ngoài góp phần chuyển giao công nghệ, kỹ năng quản lý, đào tạo nhân lực, kết nối chuỗi giá trị toàn cầu. Tổng thể, các yếu tố này tạo nên diện mạo của trụ cột kinh tế trong mô hình phát triển của Việt Nam với tính hiện đại, hội nhập và thích ứng cao.

Trụ cột 2: Xã hội

Trụ cột xã hội trong mô hình phát triển cần được định hình theo hướng hiện đại, toàn diện, bao trùm, bền vững; bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội, mọi người dân đều được thụ hưởng thành quả phát triển.

Hệ thống xã hội được đặc trưng bởi mạng lưới an sinh xã hội đa tầng, bao phủ rộng, thích ứng linh hoạt và thiết kế theo vòng đời; bảo đảm phân bổ lại nguồn lực một cách hợp lý, hỗ trợ các nhóm yếu thế và giảm thiểu rủi ro xã hội, qua đó củng cố tính bao trùm của phát triển.

Mức độ số hóa trong quản trị xã hội ngày càng cao, thể hiện qua sự hình thành của chính phủ số và xã hội số, góp phần nâng cao hiệu quả cung ứng dịch vụ công và khả năng quản lý phát triển xã hội trong bối cảnh mới.

Hệ thống xã hội đồng thời được nhận diện qua chất lượng và khả năng tiếp cận dịch vụ y tế, với định hướng bảo đảm công bằng, hiệu quả và bao phủ rộng, góp phần nâng cao thể chất và chất lượng nguồn nhân lực.

Đặc trưng dân số thể hiện qua cơ cấu dân số hợp lý và khả năng thích ứng với các biến đổi nhân khẩu học, bao gồm cả việc tận dụng lợi thế dân số vàng và thích ứng với xu hướng già hóa, qua đó ảnh hưởng trực tiếp đến động lực và chất lượng tăng trưởng.

Thị trường lao động trong mô hình này mang tính linh hoạt, đồng bộ, hiện đại và hội nhập, phản ánh qua sự đa dạng về hình thức việc làm, khả năng dịch chuyển lao động và mức độ tham gia của các nhóm dân cư, đồng thời gắn với sự hình thành và mở rộng tầng lớp trung lưu.

Cuối cùng, trụ cột xã hội còn thể hiện ở mức độ bảo đảm các điều kiện phát triển cơ bản và công bằng xã hội, như an ninh lương thực, tiếp cận tín dụng chính sách, bình

đẳng giới và sự tham gia của cộng đồng trong quản trị phát triển...; qua đó củng cố nền tảng xã hội ổn định và bền vững cho toàn bộ mô hình phát triển.

Trụ cột 3: Môi trường

Trụ cột môi trường trong mô hình phát triển giữ vai trò là nền tảng bảo đảm định hướng phát triển theo hướng xanh, tuần hoàn và bền vững, thông qua sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ hệ sinh thái và nâng cao khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu. Qua đó, trụ cột này phản ánh sự chuyển dịch căn bản từ mô hình “tăng trưởng bằng mọi giá” sang phát triển hài hòa với tự nhiên, hướng tới nền kinh tế carbon thấp và bảo đảm an ninh môi trường, an ninh năng lượng trong dài hạn.

Trụ cột này thể hiện qua mức độ thích ứng, khả năng chống chịu của hệ thống tự nhiên và kinh tế - xã hội trước biến đổi khí hậu, gắn với bảo tồn đa dạng sinh học, duy trì cân bằng hệ sinh thái và hạn chế suy thoái môi trường.

Trụ cột môi trường được đặc trưng bởi sự hình thành và vận hành các loại thị trường liên quan đến tài nguyên và môi trường, bao gồm thị trường đất đai, năng lượng, khoáng sản và các cơ chế định giá môi trường như thị trường tín chỉ carbon, qua đó phản ánh xu hướng thị trường hóa các yếu tố môi trường.

Ngành công nghiệp và dịch vụ môi trường trở thành một bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế, góp phần xử lý chất thải, tái chế tài nguyên và cung ứng các giải pháp công nghệ môi trường.

Một đặc trưng khác là mức độ kiểm soát và xử lý ô nhiễm môi trường, đặc biệt tại các khu công nghiệp, đô thị và làng nghề, phản ánh chất lượng quản lý môi trường và hiệu quả thực thi chính sách.

Trụ cột 4: Văn hóa

Trụ cột văn hóa trong mô hình phát triển được xác định là nền tảng tinh thần của xã

hội, giữ vai trò định hướng giá trị và điều tiết hành vi trong toàn bộ quá trình phát triển, đồng thời tạo động lực nội sinh cho sự phát triển đất nước. Thông qua hệ thống giá trị văn hóa quốc gia, giá trị gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam, trụ cột này góp phần định hình bản sắc và củng cố sức mạnh mềm quốc gia, qua đó bảo đảm tính bền vững của mô hình phát triển.

Văn hóa thể hiện qua việc bảo tồn và phát huy các giá trị di sản, gắn với đời sống xã hội và sự hình thành các không gian, thiết chế văn hóa đa dạng, phản ánh mức độ phát triển và tiếp cận văn hóa của người dân.

Hệ thống thông tin, truyền thông, báo chí và xuất bản phát triển theo hướng hiện đại, chuyên nghiệp, với sự gia tăng vai trò của các nền tảng số trong truyền tải và định hướng giá trị văn hóa, xã hội.

Một đặc trưng quan trọng là sự hình thành và phát triển của các ngành công nghiệp văn hóa và dịch vụ văn hóa, qua đó văn hóa không chỉ là lĩnh vực tinh thần mà còn trở thành một bộ phận của nền kinh tế, đóng góp vào tăng trưởng và quảng bá hình ảnh quốc gia.

Trụ cột văn hóa phản ánh mức độ thụ hưởng và đời sống văn hóa của các tầng lớp dân cư, cũng như khả năng thu hẹp chênh lệch giữa các vùng miền, góp phần bảo đảm tính bao trùm trong phát triển.

Môi trường văn hóa gắn với phát triển con người là yếu tố trung tâm, thể hiện qua hệ giá trị, đạo đức, ý thức dân tộc, trách nhiệm công dân, năng lực sáng tạo và kỹ năng thích ứng của con người Việt Nam trong bối cảnh mới.

Trụ cột 5: Quốc phòng, an ninh

Trụ cột quốc phòng, an ninh trong mô hình phát triển của Việt Nam giữ vai trò trọng yếu, thường xuyên, bảo đảm môi trường hòa bình, ổn định cho phát triển, đồng thời phản ánh sự gắn kết hữu cơ giữa nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc và phát triển đất

nước. Qua đó, trụ cột này trở thành một yếu tố cấu thành quan trọng của năng lực tự chủ và tính bền vững của mô hình phát triển quốc gia trong kỷ nguyên mới.

Trụ cột này được đặc trưng bởi cách tiếp cận quốc phòng, an ninh toàn diện, trong đó nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc không chỉ giới hạn ở bảo vệ chủ quyền, lãnh thổ mà còn mở rộng sang các lĩnh vực an ninh phi truyền thống như kinh tế, văn hóa, dữ liệu, môi trường, năng lượng và lương thực, thể hiện tính xuyên suốt trong mọi lĩnh vực phát triển.

Trụ cột quốc phòng, an ninh còn thể hiện sự thay đổi trong cách tiếp cận về mối quan hệ biện chứng giữa phát triển và ổn định là: *“Lấy phát triển để ổn định; ổn định để phát triển nhanh, bền vững”*. Theo đó, phát triển là nền tảng để củng cố tiềm lực quốc phòng, an ninh; còn quốc phòng, an ninh vững mạnh là điều kiện bảo đảm cho phát triển ổn định, bền vững.

Năng lực tự chủ chiến lược về quốc phòng, an ninh thể hiện qua khả năng chủ động nhận diện và ứng phó với các nguy cơ từ sớm, từ xa; chuẩn bị nguồn lực quốc gia cho mọi tình huống; phát triển khoa học, công nghệ, nguồn nhân lực và công nghiệp quốc phòng, an ninh theo hướng hiện đại, lưỡng dụng.

Trụ cột này phản ánh sự chuyển đổi trong phương thức bảo vệ Tổ quốc và bảo đảm an ninh, từ tiếp cận thụ động sang chủ động, từ bảo vệ thuần túy sang kiến tạo môi trường phát triển; gắn với nâng cao năng lực dự báo, phòng ngừa và hiệu lực thực thi pháp luật.

Quốc phòng, an ninh được đặt trong mối liên kết chặt chẽ với các trụ cột khác của mô hình phát triển, đặc biệt là kinh tế, văn hóa, xã hội và đối ngoại. Sự gắn kết này được kỳ vọng góp phần tạo sức mạnh tổng hợp, nâng cao vị thế và khả năng bảo vệ đất nước trong mọi tình huống.

Trụ cột 6: Đối ngoại và hội nhập quốc tế

Trụ cột đối ngoại và hội nhập quốc tế trong mô hình phát triển giữ vai trò quan trọng trong việc mở rộng không gian phát triển, đồng thời nâng cao vị thế, uy tín và sức mạnh tổng hợp của Việt Nam trên trường quốc tế.

Trụ cột này được đặc trưng bởi đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa, phản ánh cách thức Việt Nam thiết lập và vận hành quan hệ với các quốc gia và đối tác quốc tế trên cơ sở hòa bình, hợp tác và phát triển.

Đối ngoại thể hiện vai trò gắn kết, phối hợp với quốc phòng, an ninh và các trụ cột phát triển khác, qua đó góp phần duy trì môi trường hòa bình, ổn định, khai thác các nguồn lực và điều kiện thuận lợi từ bên ngoài cho phát triển đất nước.

Mức độ tham gia và vị thế của Việt Nam trong các cấu trúc kinh tế, chính trị và thể chế toàn cầu, nổi bật là vai trò của ngoại giao kinh tế, công nghệ, văn hóa và an ninh trong việc nâng cao năng lực cạnh tranh và hình ảnh quốc gia.

Trụ cột này phản ánh mức độ hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng và đồng bộ, thể hiện qua sự tham gia vào các mạng lưới liên kết khu vực và toàn cầu, cũng như khả năng tận dụng các cơ hội từ hội nhập.

Sự tham gia vào các cơ chế đa phương và sự đóng góp tích cực, có trách nhiệm trong việc định hình luật chơi quốc tế là một biểu hiện quan trọng, cho thấy năng lực thích ứng và vai trò chủ động của Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa và cạnh tranh chiến lược ngày càng gia tăng.

Trụ cột 7: Quản trị quốc gia

Trụ cột quản trị quốc gia, với trọng tâm là xây dựng Đảng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam giữ vai trò then chốt trong định hình và vận hành hiệu quả mô hình phát triển đất nước.

Trụ cột này được đặc trưng bởi năng lực lãnh đạo và cầm quyền của Đảng, thể hiện qua sự thống nhất về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và đội ngũ cán bộ, bảo đảm định hướng phát triển đúng đắn trong điều kiện mới.

Cấu trúc và chất lượng vận hành của hệ thống chính trị phản ánh mức độ tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, cùng với xu hướng hiện đại hóa quản trị dựa trên minh bạch, số hóa và dữ liệu.

Mức độ hoàn thiện của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, thể hiện qua tính thượng tôn pháp luật, chất lượng thể chế và hiệu quả thực thi, cũng như cơ chế phân công, phối hợp và kiểm soát quyền lực.

Trụ cột này còn thể hiện qua chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, với các yếu tố về phẩm chất, năng lực và uy tín, đáp ứng yêu cầu của quản trị trong bối cảnh mới.

Mức độ phát huy dân chủ và sự tham gia của người dân và xã hội trong quá trình quản trị là một đặc trưng quan trọng, góp phần củng cố tính chính danh và hiệu quả của hệ thống.

6. Kết luận

Trên cơ sở hệ thống hóa khung lý luận và phân tích các thành tố cấu thành, bài viết đã làm rõ mô hình phát triển Việt Nam trong kỷ nguyên mới là một khuôn khổ tổng thể, có tính hệ thống và nhất quán cao, được định hình bởi sự kế thừa sáng tạo những thành tựu lý luận của 40 năm Đổi mới và được dẫn dắt bởi định hướng xã hội chủ nghĩa xuyên suốt. Mô hình này không phải là sự sao chép bất kỳ mô hình phát triển nào đã có trên thế giới, mà phản ánh con đường phát triển độc lập, tự chủ, phù hợp với điều kiện lịch sử, văn hóa và thực tiễn đặc thù của Việt Nam.

Về mặt lý luận, bài viết xác lập mối quan hệ thứ bậc giữa ba tầng mô hình: mô hình chủ nghĩa xã hội giữ vai trò định hướng giá trị và mục tiêu tổng thể; mô hình phát triển

đảm nhận chức năng cụ thể hóa định hướng đó trong từng giai đoạn lịch sử, bao quát toàn bộ bảy trụ cột chiến lược; và mô hình tăng trưởng hiện thực hóa mô hình phát triển trên lĩnh vực kinh tế. Cấu trúc thứ bậc này có tính chặt chẽ về mặt logic và bảo đảm sự thống nhất từ tầm nhìn chiến lược đến tổ chức thực tiễn. Đặc biệt, nhận thức có tính đột phá “lấy phát triển để ổn định, ổn định để phát triển nhanh, bền vững” từ Đại hội XIV là một bước tiến quan trọng trong tư duy lý luận của Đảng, xác lập phát triển vừa là mục tiêu, vừa là phương thức tạo lập nền tảng ổn định bền vững.

Về thực tiễn, mô hình phát triển trong kỷ nguyên mới được vận hành trên nền tảng bảy trụ cột chiến lược có tính gắn kết hữu cơ, trong đó khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số được xác định là động lực trung tâm, thay thế các nguồn lực tăng trưởng truyền thống. Con người và văn hóa đồng thời giữ vai trò vừa là mục tiêu, vừa là nền tảng và động lực nội sinh của toàn bộ quá trình phát triển. Ba đột phá chiến lược về thể chế và thực thi, nguồn nhân lực, và hạ tầng đồng bộ, hiện đại tạo thành hệ thống đòn bẩy có tính hữu cơ, quyết định năng lực hiện thực hóa tầm nhìn đến năm 2045.

Để mô hình phát triển phát huy hiệu quả trong thực tiễn, điều kiện tiên quyết là phải đồng thời giải quyết thành công ba yêu cầu cốt lõi: hoàn thiện thể chế và nâng cao năng lực thực thi như khâu mở đường; phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao gắn với đổi mới căn bản giáo dục và đào tạo; và xây dựng hạ tầng chiến lược đồng bộ, hiện đại, đặc biệt là hạ tầng số. Trong đó, đột phá về thể chế và thực thi giữ vai trò then chốt nhất, bởi đây là nhân tố quyết định khả năng chuyển hóa toàn bộ tầm nhìn, chiến lược và nguồn lực thành kết quả phát triển cụ thể trên thực tế. Không có thể chế thông suốt và năng lực thực thi hiệu quả, các trụ

cột và động lực phát triển dù được xác định đúng đắn cũng khó có thể vận hành đồng bộ và bền vững./.

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2026), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIV*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật.
2. Bộ Chính trị (2024), *Đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia*, Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22-12-2024.
3. Bộ Chính trị (2025), *Hội nhập quốc tế trong tình hình mới*, Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24-01-2025.
4. Bộ Chính trị (2025), *Đổi mới công tác xây dựng và thị hành pháp luật, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới*, Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30-4-2025.
5. Bộ Chính trị (2025), *Phát triển kinh tế tư nhân*, Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04-5-2025.
6. Bộ Chính trị (2025), *Bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*, Nghị quyết số 70-NQ/TW ngày 20-8-2025.
7. Bộ Chính trị (2025), *Đột phá phát triển giáo dục và đào tạo*, Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22-8-2025.
8. Bộ Chính trị (2025), *Một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân*, Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09-9-2025.
9. Bộ Chính trị (2026), *Phát triển kinh tế nhà nước*, Nghị quyết số 79-NQ/TW ngày 06-01-2026.
10. Bộ Chính trị (2026), *Phát triển văn hóa Việt Nam*, Nghị quyết số 80-NQ/TW ngày 07-01-2026.

Ngày nhận bài : 18-11-2025

Ngày nhận bản sửa : 17-12-2025

Ngày duyệt đăng : 17-12-2025